

Bài 35

ĐỒNG VÀ HỢP CHẤT CỦA ĐỒNG

7.71. Trong phòng thí nghiệm, để điều chế CuSO_4 người ta cho Cu tác dụng với dung dịch nào sau đây ?

- A. H_2SO_4 đậm đặc. B. H_2SO_4 loãng.
 C. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ loãng. D. FeSO_4 loãng.

7.72. Có các dung dịch : HCl , HNO_3 , NaOH , AgNO_3 , NaNO_3 . Chỉ dùng thêm chất nào sau đây để nhận biết các dung dịch trên ?

- A. Cu . B. Dung dịch $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$.
 C. Dung dịch BaCl_2 . D. Dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

7.73. Ba hỗn hợp kim loại $\left\{ \begin{array}{l} 1) \text{Cu} - \text{Ag} \\ 2) \text{Cu} - \text{Al} \\ 3) \text{Cu} - \text{Mg} \end{array} \right.$

Dùng dung dịch của cặp chất nào sau đây để nhận biết các hỗn hợp trên ?

- A. HCl và AgNO_3 B. HCl và $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$
 C. HCl và $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ D. HCl và NaOH

7.74. Cho V lít khí H_2 (đktc) đi qua bột CuO (dư) đun nóng, thu được 32 g Cu . Nếu cho V lít H_2 (đktc) đi qua bột FeO (dư) đun nóng thì khối lượng Fe thu được (Giả sử hiệu suất của các phản ứng là 100%) là

- A. 24 g. B. 26 g.
 C. 28 g. D. 30 g.

7.75. Cho hỗn hợp gồm 0,1 mol Ag_2O và 0,2 mol Cu tác dụng hết với dung dịch HNO_3 loãng, dư. Cô cạn dung dịch thu được sau phản ứng được hỗn hợp muối khan A. Nung A đến khối lượng không đổi thu được chất rắn B có khối lượng là

- A. 26,8 g. B. 13,4 g.
 C. 37,6 g. D. 34,4 g.

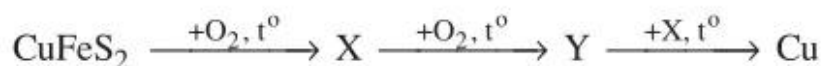
7.76. Cho 19,2 g Cu tác dụng hết với dung dịch HNO_3 loãng, dư. Khí NO thu được đem oxi hoá thành NO_2 rồi sục vào nước cùng với dòng khí O_2 để chuyển hết thành HNO_3 . Thể tích khí O_2 (đktc) đã tham gia vào quá trình trên là

- A. 2,24 lít. B. 3,36 lít.

C. 4,48 lít.

D. 6,72 lít.

7.77. Cho sơ đồ chuyển hoá quặng đồng thành đồng :



Hai chất X, Y lần lượt là

A. Cu_2O , CuO .

B. CuS , CuO .

C. Cu_2S , CuO .

D. Cu_2S , Cu_2O .

7.78. Cho hỗn hợp Fe, Cu phản ứng với dung dịch HNO_3 loãng. Sau khi phản ứng hoàn toàn, thu được dung dịch chỉ chứa một chất tan và kim loại dư. Chất tan đó là

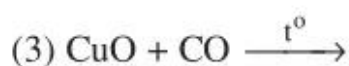
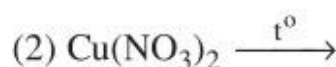
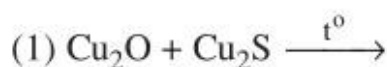
A. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$.

B. HNO_3 .

C. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$.

D. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$.

7.79. Cho các phản ứng :



Số phản ứng tạo ra kim loại Cu là

A. 2.

B. 3.

C. 1.

D. 4.

7.80. Nhận định nào sau đây *không* đúng ?

A. Cu là kim loại chuyển tiếp, thuộc nhóm IB, chu kì 4, ô số 29 trong bảng tuần hoàn.

B. Cu là nguyên tố s, có cấu hình electron : $[\text{Ar}]3d^{10}4s^1$.

C. Cấu hình electron của ion Cu^+ là $[\text{Ar}]3d^{10}$ và Cu^{2+} là $[\text{Ar}]3d^9$.

D. So với kim loại nhóm IA, liên kết trong đơn chất đồng vững chắc hơn.

7.81. Khi Cu phản ứng với dung dịch chứa H_2SO_4 loãng và NaNO_3 , vai trò của NaNO_3 trong phản ứng là

A. chất xúc tác.

B. chất oxi hoá.

C. chất khử.

D. môi trường.

